**GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 226/2025/QH15 CỦA QUỐC HỘI VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**I. Sự cần thiết ban hành**

**1. Cơ sở chính trị**

Tại Kết luận số 96-KL/TW ngày 30/9/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị giao Đảng đoàn Quốc hội và Ban cán sự Đảng Chính phủ “*ban hành Nghị quyết mới về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội mang tính đột phá, nhất là về quản lý đầu tư; tài chính, ngân sách nhà nước; quy hoạch, đô thị; tài nguyên và môi trường; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tổ chức bộ máy; thu nhập cán bộ, công chức, viên chức; thành lập Khu thương mại tự do thế hệ mới để tạo động lực phát triển thành phố Hải Phòng*” *.*

**2. Cơ sở pháp lý**

- Tại Nghị quyết số 158/2024/QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Quốc hội yêu cầu thể thế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tại Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 10/01/2025 về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 96-KL/TW, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) xây dựng “*Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng với các cơ chế, chính sách mới theo hướng toàn diện hơn, mang tính đột phá, có tính khả thi cao và phù hợp với thực tiễn phát triển của Thành phố, trong đó bao gồm chính sách thành lập Khu thương mại tự do thế hệ mới tại thành phố Hải Phòng*”.

- Tại Thông báo số 4408/TB-TTKQH ngày 17/10/2024 của Tổng thư ký Quốc hội về việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết của Quốc hội một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Cần Thơ, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ “*chỉ đạo các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết với các chính sách dự kiến trình Quốc hội, bảo đảm thực hiện đúng quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định*”.

**3. Cơ sở thực tiễn**

Thành phố Hải Phòng là thành phố trực thuộc Trung ương (đô thị loại I), là địa phương có vị trí quan trọng trong vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước; kết nối 02 hành lang kinh tế phía Bắc[[1]](#footnote-1), là thành phố cảng biển lớn nhất miền Bắc, đầu mối giao thông quan trọng của hệ thống giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, cảng hàng không trong nước và quốc tế) và là cửa ngõ chính ra biển của Thủ đô Hà Nội, các tỉnh phía Bắc để kết nối với quốc tế. Vì vậy, trong phát triển kinh tế, xã hội Vùng đồng bằng sông Hồng, thành phố Hải Phòng được xác định là một cực tăng trưởng trong tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và có vị trí địa kinh tế - chính trị đắc địa để phát triển kinh tế, xã hội so với các tỉnh, thành phố khác trong Vùng. Thời gian qua, Đảng, Quốc hội, Nhà nước đã có nhiều Nghị quyết, cơ chế, chính sách đặc thù tạo động lực để cho thành phố Hải Phòng[[2]](#footnote-2) phát triển.

Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ ra rằng, trong những năm qua, Hải Phòng đã đạt được những kết quả nổi bật về phát triển kinh tế, xã hội; tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thành phố luôn đạt mức cao[[3]](#footnote-3), tiếp tục khẳng định vai trò là động lực phát triển kinh tế, xã hội đóng góp cho phát triển tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, phát triển liên kết vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng và cả nước nói chung. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế như: vai trò, đóng góp của Hải Phòng cho vùng và cả nước chưa xứng với tiềm năng, lợi thế; quy mô, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tăng trưởng kinh tế, cơ cấu nguồn thu chưa thực sự bền vững chủ yếu dựa vào đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); quy hoạch, đô thị và tài nguyên và môi trường còn nhiều hạn chế; kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội còn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng vị trí, vai trò của đô thị trung tâm cấp quốc gia; lợi thế của 05 loại hình giao thông chưa được phát huy đầy đủ, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối với cảng biển; hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa tạo được sự đột phá; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cải cách hành chính trong một số lĩnh vực chưa cao.

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng cho thấy một số cơ chế, chính sách[[4]](#footnote-4) được triển khai thực hiện đã mang đến một số kết quả nhất định nhưng chưa tạo ra sự phát triển đột phá của Thành phố; một số cơ chế, chính sách chờ văn bản hướng dẫn nên triển khai chậm[[5]](#footnote-5); còn thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù mang tính vượt trội, đột phá, có tính động lực lan tỏa.

Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) được xây dựng trên cơ sở bám sát định hướng lớn từ bốn Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị[[6]](#footnote-6) - “*bộ tứ trụ cột*” về thể chế nền tảng của đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó có kế thừa, chọn lọc các chính sách, kinh nghiệm thành công trong và ngoài nước để có sự điều chỉnh phù hợp với thực tế tại Hải Phòng, nhằm kịp thời khơi thông các điểm “nghẽn”, thu hút đầu tư, tạo đột phá, giúp Thành phố phát triển nhanh, bền vững hơn, có sức lan toả lớn trong vùng đồng bằng sông Hồng, đóng góp lớn hơn vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước, từ đó góp phần đưa đất nước bước vào “*kỷ nguyên mới-kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng, hùng cường của dân tộc*”.

**II. Quan điểm, mục tiêu ban hành**

**1. Quan điểm**

- Bảo đảm tuân thủ Hiến pháp 2013; phù hợp với mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019, Kết luận số 96-KL/TW ngày 30/9/2024, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị.

- Quy định các cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội và tiếp tục kế thừa các cơ chế, chính sách đã được Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 35/2021/QH15.

- Thực hiện phân cấp, ủy quyền tối đa cho thành phố Hải Phòng nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Thành phố; tạo sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp, không ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh.

**2. Mục tiêu**

Tiếp tục cụ thể hoá quan điểm, chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 45-NQ/TW, Kết luận số 96-KL/TW; tạo động lực tăng trưởng mới, phát huy hết vai trò, vị thế và tiềm năng lợi thế để tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, góp phần xây dựng và phát triển Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo mục tiêu đã đề ra.

**III. Bố cục, phạm vi điều chỉnh**

**1. Bố** **cục:** Nghị quyết bao gồm 03 Chương với 12 Điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung gồm 03 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3).

- Chương II: Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, gồm 7 Điều (từ Điều 4 đến Điều 10).

- Chương III: Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (từ Điều 11 đến Điều 12).

**2. Phạm vi điều chỉnh:**

- Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng về quản lý đầu tư; quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên, môi trường; quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý; thành lập và hoạt động Khu Thương mại tự do tại Thành phố trên cơ sở kế thừa các cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 của Quốc hội, gồm 06 nhóm chính sách lớn với 41 chính sách cụ thể.

- Các nội dung tại Nghị quyết đã được thiết kế một cách linh hoạt, bảo đảm phát huy lợi thế, tiềm năng, thế mạnh, không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển của Hải Phòng hiện hữu mà còn đảm bảo sự phát triển đồng bộ của cả hai địa phương thành phố Hải Phòng - tỉnh Hải Dương sau hợp nhất, từ đó tạo nền tảng vững chắc để thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất) tiếp tục trở thành một cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng.

**IV. Nội dung cơ bản**

Nghị quyết quy định 06 nhóm chính sách lớn với 41 chính sách cụ thể, bao gồm: (1) Quản lý đầu tư (02 chính sách); (2) Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước (04 chính sách); (3) Quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên và môi trường (09 chính sách); (4) Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (08 chính sách); (05) Thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Hải Phòng quản lý (01 chính sách); (06) Thành lập và các cơ chế, chính sách trong Khu Thương mại tự do (TMTD) tại thành phố Hải Phòng (17 chính sách).

1. Về quản lý đầu tư (Điều 4): Gồm 02 chính sách, cụ thể:

a) Khoản 1 Điều 4 quy định về phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trong chấp thuận chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển Hải Phòng. Chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động, linh hoạt, thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư xây dựng các khu bến cảng theo quy hoạch được duyệt trong thời gian sớm nhất; sớm đưa các dự án vào vận hành khai thác; tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

b) Khoản 2 Điều 4 quy định*“Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức quản lý, bảo trì các tuyến đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn Thành phố; tổ chức quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia qua địa bàn Thành phố”* và *“được sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện việc đầu tư, bảo trì tuyến đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật”.* Chính sách này nhằm phân cấp quản lý tuyến đường thủy nội địa quốc gia, cảng, bến thủy nội địa cho Hải Phòng tạo sự thống nhất đầu mối quản lý, đồng thời giúp thành phố Hải Phòng chủ động đầu tư nâng cấp hạ tầng, tăng năng lực vận tải thủy, nâng cao năng lực xếp dỡ hàng hóa và vận tải hành khách thúc đẩy kinh tế.

2. Về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước (Điều 5):Gồm 04 chính sách, trong đó: 03 chính sách được kế thừa từ Nghị quyết số 35/2021/QH15, 01 chính sách tương tự các tỉnh, thành phố[[7]](#footnote-7) đã được Quốc hội cho phép thực hiện tại các Luật, Nghị quyết đặc thù nhưng có điều chỉnh để phù hợp với điều kiện của địa phương, cụ thể:

a) Khoản 1 Điều 5: “*Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”.* Chính sách đã được Quốc hội cho phép thành phố Hải Phòng thực hiện tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 nhưng được điều chỉnh để thành phố Hải Phòng có thêm dư địa vay và phù hợp với bối cảnh thực hiện đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương trong việc chủ động huy động nguồn lực để đầu tư, thay vì hỗ trợ từ ngân sách trung ương. Việc ban hành cơ chế đặc thù cho phép nâng mức nợ vay của ngân sách Thành phố không vượt quá 120% là cần thiết để đáp ứng nhu cầu huy động nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của thành phố Hải Phòngvà vùng, góp phần vào mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Khoản 2 Điều 5 quy định: *“Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ hoạt động xuất, nhập khẩu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao để thực hiện đầu tư các dự án, công trình kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, Khu TMTD và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của đảo Bạch Long Vĩ nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu”.* Chính sách này đã được Quốc hội cho phép thành phố Hải Phòng thực hiện tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 nhưng có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của thành phố Hải Phòng và định hướng về “*tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương*” trong điều hành ngân sách nhà nước của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị[[8]](#footnote-8) và định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước.

c) Khoản 3 Điều 5 quy định về việc tiếp tục thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố.

d) Khoản 4 Điều 5 quy định về thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

3. Các chính sách về quy hoạch, đô thị, tài nguyên và môi trường (Điều 6):Gồm 09 chính sách, trong đó có 02 chính sách tương tự các tỉnh, thành phố đã được Quốc hội cho phép thực hiện tại các Luật, Nghị quyết đặc thù nhưng có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế của Thành phố và 07 chính sách mới, cụ thể:

a) Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết quy định về việc thí điểm cho phép thành phố Hải Phòng thực hiện trình tự thủ tục rút gọn trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố. Chính sách này nhằm tăng cường phân cấp, tạo sự chủ động cho địa phương và rút gọn thời gian thực hiện trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết; nâng cao tính khả thi của quy hoạch, mở rộng không gian phát triển, xây dựng đô thị thúc đẩy thu hút đầu tư nhất là đối với các ngành, lĩnh vực là động lực dẫn dắt trong giai đoạn tới.

b) Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết quy định: “*Ủy ban nhân dân Thành phố được bán nhà chung cư thuộc tài sản công do Thành phố xây dựng từ ngân sách nhà nước hoặc theo hình thức hợp đồng BT hình thành từ sau ngày 31 tháng 12 năm 1994 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2025. Việc bán nhà chung cư được thực hiện như sau: a) Đối tượng được quyền mua nhà là các hộ dân đã ký kết hợp đồng thuê nhà chung cư đó lần đầu với cơ quan nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 hoặc các hộ dân thuộc diện di dời các chung cư cũ, phải di dời do giải phóng mặt bằng; b) Trình tự, thủ tục bán nhà chung cư thực hiện theo trình tự, thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công theo quy định của pháp luật về nhà ở; c) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định giá bán nhà chung cư (bao gồm chi phí để thu hồi vốn đầu tư xây dựng và giá trị quyền sử dụng đất) cho các đối tượng quy định điểm a khoản này bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, không để thất thoát, lãng phí, tiêu cực*”. Chính sách này được đề xuất trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố Hải Phòng, đáp ứng được nguyện vọng, nhu cầu của người dân, đảm bảo an sinh, xã hội; tránh gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước; giảm chi phí quản lý, bảo trì cho ngân sách thành phố; tăng thu ngân sách cho Thành phố để tái bổ sung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

c) Nhóm chính sách thực hiện thí điểm phân cấp cho UBND thành phố Hải Phòng trong thực hiện các cơ chế về thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (gồm 07 chính sách):

(1) Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất đối với các dự án khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung có quy mô trên 100 ha; cụm công nghiệp, dự án đầu tư trong khu kinh tế, trung tâm logistics có quy mô trên 50 ha; dịch vụ logistics có quy mô đến 50 ha; dự án đầu tư trong Khu TMTD; dự án mà công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành dự án độc lập theo quy định pháp luật về đầu tư công. Chính sách này tạo cơ sở pháp lý để thành phố Hải Phòng được thí điểm rút ngắn trình tự, thủ tục thu hồi đất, đặc biệt, đối với những dự án lớn, trọng điểm nêu trên để nâng cao sức cạnh tranh thu hút đầu tư, đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, đạt được mục tiêu Bộ Chính trị đã đặt ra tại Nghị quyết số 45-NQ/TW.

(2) Khoản 4 Điều 6 Nghị quyết quy định: *“Ngoài các trường hợp thu hồi đất quy định tại**Điều 79 của Luật Đất đai, Thành phố được thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây: a) Trung tâm logistics phục vụ cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa trên địa bàn Thành phố với quy mô trên 50 ha; b) Dịch vụ logistics phục vụ cho cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa trên địa bàn Thành phố với quy mô đến 50 ha”.* Chính sách này sẽ tạo điều kiện cho thành phố Hải Phòng chủ động, linh hoạt, nâng cao sức cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực logistics trên địa bàn.

(3) Khoản 5 Điều 6 Nghị quyết quy định: *“Thành phố được cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.*”. Chính sách này tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động, linh hoạt, thu hút đầu tư góp phần đẩy nhanh việc hình thành các hạ tầng trung tâm logistics trong thời gian sớm nhất, sớm đưa vào vận hành khai thác theo kế hoạch phát triển logistics của thành phố Hải Phòng, từ đó nâng cao hiệu quả vận chuyển hàng hóa, giảm chi phí logistics, thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố Hải Phòng trong khu vực.

(4) Khoản 6 Điều 6 Nghị quyết quy định: “*Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều này có quyền và nghĩa vụ như đối với nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai*”. Chính sách này nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư xác định cụ thể các quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư khi triển khai thực hiện các dự án.

(5) Khoản 7 Điều 6 Nghị quyết quy định: *“Ngoài các trường hợp thu hồi đất quy định tại**Điều 79 của Luật Đất đai, Thành phố được thu hồi các thửa đất nhỏ hẹp do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng, nằm xen kẹt trong khu dân cư nhằm tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ theo quy định về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng”* nhưng phải đáp ứng một số tiêu chí nhất định do HĐND thành phố Hải Phòng quy định. Chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thành phố Hải Phòng chủ động, linh hoạt trong thu hồi, tạo quỹ đất sạch để đấu giá, tận dụng, sử dụng tối đa nguồn lực đất đai, tăng thu ngân sách, từ đó tạo môi trường thông thoáng, nâng cao sức cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư các dự án góp phần chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn và giải quyết được nhu cầu về nhà ở cho người dân, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng.

(6) Khoản 8 Điều 6 Nghị quyết quy định: “*8. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 7 nêu trên được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này*”. Chính sách này nhằm tăng cường phân cấp, tạo sự chủ động cho địa phương, rút gọn thời gian, trình tự, thủ tục để triển khai các dự án có sử dụng đất đặc biệt đối với những dự án lớn, trọng điểm, cấp bách cần hoàn thành sớm công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tạo điều kiện xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành thành phố cảng biển lớn, trung tâm dịch vụ cảng biển và logistics.

(7) Khoản 9 Điều 6 Nghị quyết quy định: “*Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định chuyển mục đích đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở xuống có diện tích dưới 500 ha, đất rừng sản xuất có diện tích dưới 1.000 ha phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung có quy mô trên 100 ha; cụm công nghiệp, dự án đầu tư trong Khu TMTD, khu dịch vụ logistics có quy mô trên 50 ha mà vượt chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia được phân bổ thì Thành phố cập nhật kết quả chỉ tiêu sử dụng đất vào kỳ phân bổ tiếp theo*”. Việc đề xuất thí điểm chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thành phố Hải Phòng chủ động, linh hoạt với những yêu cầu cấp bách về khai thác, nâng cao sử dụng nguồn lực đất đai từ đất nông nghiệp, đất lúa hai vụ trở xuống do chuyển dịch cơ cấu lao động, từ đó tạo môi trường đầu tư thông thoáng, nâng cao sức cạnh tranh cho thành phố Hải Phòng trong việc thu hút đầu tư các dự án động lực trên địa bàn để phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp nhiều hơn vào mục tiêu tăng trưởng hai con số của cả nước.

4. Nhóm chính sách về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (Điều 7)

a) Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết quy định một số hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng các ưu đãi về thuế như sau: (i) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp; (ii) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố; thời hạn miễn thuế là 05 năm; (iii) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo do thực hiện công việc tại các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, để bảo đảm có cơ sở thực hiện chính sách, Nghị quyết giao HĐND Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng các chính sách ưu đãi trên.

Thành phố Hải Phòng xác định lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực mới trong thời gian tới. Do đó, chính sách trên sẽ tạo cơ chế đủ mạnh để hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo động lực thu hút chuyên gia, nhà khoa học và nguồn vốn từ bên ngoài, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

b) Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết quy định về: “*Ngân sách Thành phố hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo”.* Chính sách này tạo cơ chế đặc thù để hỗ trợ, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia các các dự án, hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo để hiện thực hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị.

c) Khoản 3 Điều 7 Nghị quyết quy định thí điểm về đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

d) Khoản 4 Điều 7 Nghị quyết quy định thíđiểm cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.

đ) Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết quy định thí điểm cho phép UBND Thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới.

e) Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết thí điểm chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn Thành phố. Chính sách này nhằm tạo điều kiện, thu hút nhà đầu tư, doanh nghiệp khoa học và công nghệ đến đầu tư tại thành phố Hải Phòng góp phần tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và cụ thể hóa chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết số 45-NQ/TW.

g) Khoản 7 Điều 7 Nghị quyết quy định*: “Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 20 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% thuế 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ việc thực hiện các dự án quy định tại khoản này”.* Việc đề xuất chính sách nhằm thu hút nhà đầu tư, doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư vào các công nghệ hiện đại, góp phần chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, từ đó thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ có hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

h) Khoản 8 Điều 7 Nghị quyết thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ. Chính sách này nhằm cụ thể hóa việc hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thêm nguồn lực trong phát triển khoa học, công nghệ, trong đó lấy vốn ngân sách nhà nước làm nền tảng, đồng thời huy động được các nguồn lực đầu tư xã hội cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chính sách về chế độ cán bộ công chức, viên chức (Điều 8) quy định HĐND Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi: (1) thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo; (2) thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc trên địa bàn Thành phố.

6. Chính sách về thành lập Khu thương mại tự do tại thành phố Hải Phòng (Điều 9): “*1. Khu TMTD là khu vực có ranh giới địa lý xác định, được thành lập để thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội, mang tính đột phá nhằm thu hút đầu tư, tài chính, thương mại, du lịch, dịch vụ chất lượng cao thúc đẩy xuất khẩu, công nghiệp, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.*

*2. Khu TMTD được tổ chức thành các khu chức năng, bao gồm: Khu sản xuất, khu cảng và hậu cần cảng, trung tâm logistics, khu thương mại - dịch vụ và các loại hình khu chức năng khác theo quy định của pháp luật. Các khu chức năng trong Khu TMTD đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật được bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và hoạt động quản lý nhà nước theo lĩnh vực tương ứng của các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật”.*

Nghị quyết phân cấp cho Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố quyết định thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới Khu TMTD Hải Phòng gắn với Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng tương tự như khu công nghiệp.

Chính sách này tạo hành lang pháp lý cho Khu TMTD Hải Phòng để thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội, mang tính đột phá nhằm thu hút đầu tư, tài chính, thương mại, dịch vụ thúc đẩy xuất khẩu, công nghiệp, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, việc phân cấp cho UBND thành phố Hải Phòng quyết định thành lập là phù hợp chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tại Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*” tại Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII.

7. Các cơ chế, chính sách trong Khu TMTD Hải Phòng (Điều 10)

Nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh trong Khu TMTD thế hệ mới Hải Phòng, Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù ưu đãi: (i) Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong thủ tục đầu tư, kinh doanh; thủ tục xuất nhập khẩu; thủ tục xuất nhập cảnh, tạm trú và giấy phép lao động (khoản 1); (ii) Thủ tục đất đai, đầu tư xây dựng (khoản 2, khoản 3); (ii) Tối ưu hóa ưu đãi đầu tư về tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế (khoản 5); (iii) Hoạt động đầu tư, kinh doanh khác trong Khu TMTD (khoản 6) và cho phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở phòng giao dịch trong Khu TMTD ngoài trụ sở chi nhánh (khoản 7).

Bên cạnh đó, để thực hiện thí điểm cơ chế “*một cửa, tại chỗ*” đối với Khu TMTD Hải Phòng, Nghị quyết quy định Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng được thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu chức năng thuộc Khu TMTD Hải Phòng và giao thẩm quyền cho Ban quản lý giải quyết trực tiếp các thủ tục về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa; Cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho nhà đầu tư và cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động vào Khu TMTD Hải Phòng (khoản 4).

**V. Các điều kiện bảo đảm thực hiện**

- Việc thi hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 được thực hiện trên cơ sở sử dụng bộ máy của các cơ quan nhà nước hiện có, không làm phát sinh nguồn lực mới về nhân sự và cơ sở vật chất.

- Mặt khác, Nghị quyết số 226/2025/QH15 được ban hành sẽ tăng cường các quy định về phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm trình tự, thủ tục nên việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 226/2025/QH15 dự kiến sẽ tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

**VI. Dự báo tác động chính sách đến người dân và xã hội**

**1. Đối với cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực quản lý đầu tư:**

- Việc phân cấp cho UBND Thành phố Hải Phòng chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án có quy mô thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ dự kiến rút ngắn thời gian thẩm định và phê duyệt từ 6 - 12 tháng xuống còn 3 - 4 tháng, giảm khoảng 50 - 70% thời gian so với quy trình thông thường khi phải trình cấp trung ương, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động, linh hoạt, thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư xây dựng các khu bến cảng theo quy hoạch được duyệt trong thời gian sớm nhất, sớm đưa các dự án vào vận hành khai thác.

- Việc phân cấp cho UBND Thành phố Hải Phòng tổ chức quản lý, bảo trì các tuyến đường thủy nội địa quốc gia qua địa bàn có thể giúp rút ngắn thời gian phê duyệt từ 6-12 tháng xuống còn khoảng 3-4 tháng, giảm từ 5-6 bước thủ tục xuống còn 3-4 bước. Việc phân cấp quản lý tuyến đường thủy nội địa quốc gia, cảng, bến thủy nội địa cho Thành phố sẽ thống nhất đầu mối quản lý tuyến đường thủy nội địa và cảng bến thuỷ nội địa trên toàn thành phố; địa phương có thể trực tiếp phê duyệt và triển khai, giúp đẩy nhanh tiến độ bảo trì tuyến, giảm ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông thủy, tạo điều kiện thu hút đầu tư, linh hoạt hơn, tối ưu khai thác bến cảng, giảm chi phí logistics, thúc đẩy giao thương và góp phần phát triển Hải Phòng thành trung tâm logistics quốc gia.

**2. Đối với cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách nhà nước:**

- Việc tăng hạn mức dư nợ vay lên 120% tạo sự linh hoạt về dư địa nguồn vốn vay cho thành phố, phù hợp với nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, giúp thành phố tăng tính chủ động, kịp thời bố trí vốn cho các dự án theo tiến độ, bảo đảm có nguồn lực và chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao…, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại nhằm xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 45-NQ/TW.

- Thí điểm cơ chế, chính sách ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố bằng 70% số tăng thu ngân sách Trung ương giúp thành phố Hải Phòng có thêm động lực phấn đấu tăng thu ngân sách nhằm tăng cường nguồn lực phát triển Thành phố, bảo đảm sự chủ động trong việc cân đối nguồn lực để phát triển thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thành phố theo các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 45-NQ/TW, chỉ đạo tại Kết luận số 96-KL/TW của Bộ Chính trị, đặc biệt là các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược như đầu tư phát triển huyện đảo Bạch Long Vĩ thành trung tâm kinh tế - quốc phòng khu vực Vịnh Bắc Bộ và thành lập khu thương mại tự do tại Hải Phòng, đầu tư hoàn thành các công trình trọng điểm, giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường,...

- Về thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố: Việc phát sinh loại phí, lệ phí mới hoặc tăng mức thu phí, lệ phí có thể sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí nhưng mặt khác sẽ có tác động tích cực tới xã hội; các tổ chức, cá nhân sẽ được thụ hưởng quyền lợi từ các hoạt động phát sinh phí, lệ phí đó. Tiếp tục thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố sẽ tạo sự chủ động, linh hoạt trong chính sách phí, lệ phí, từ đó tăng cường khả năng khuyến khích, dẫn dắt đầu tư sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tạo thêm nguồn lực để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

- Thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon sẽ tăng thêm nguồn thu của Hải Phòng, đồng thời giúp cải thiện môi trường sống của người dân; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Theo Kế hoạch 222/KH-UBND ngày 15/9/2022, nếu Thành phố đạt mục tiêu giảm ít nhất 43,5% so với kịch bản phát triển vào năm 2030, ước tính có thể giảm khoảng 3 - 5 triệu tấn CO₂/năm (giả định tổng phát thải hiện tại khoảng 7 - 10 triệu tấn CO₂/năm); dự kiến Thành phố sẽ thu được 120-250 triệu USD/năm (với giá tín chỉ các-bon trung bình 40-50 USD/tấn CO2 trên thị trường quốc tế) nếu Hải Phòng tham gia thị trường tín chỉ các-bon thành công và tận dụng tốt cơ chế trao đổi, bù trừ.

**3. Đối với cơ chế, chính sách đặc thù về quy hoạch, đô thị và tài nguyên, môi trường:**

- Cơ chế, chính sách thí điểm trong quản lý, thực hiện quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố quy định tại Nghị quyết dự kiến sẽ đẩy nhanh quy trình và giảm thiểu chi phí phát sinh liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, góp phần thực hiện nhiệm vụ nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Việc rút ngắn thời gian phê duyệt quy hoạch sẽ góp phần giải quyết kịp thời nhu cầu của người dân đối với lĩnh vực nhà ở xã hội, hướng tới xây dựng chính quyền địa phương dám chịu trách nhiệm, gần gũi và sẵn sàng giúp đỡ nhân dân.

- Việc cho phép UBND Thành phố được bán nhà ở chung cư thuộc tài sản công do Thành phố xây dựng từ ngân sách nhà nước hoặc theo hình thức hợp đồng BT hình thành từ sau năm 1994 đến trước ngày 01/01/2025 sẽ giúp giải quyết tình trạng nhà ở cho các hộ dân, mang lại cơ hội sở hữu nhà ở lâu dài cho các hộ dân thay vì chỉ thuê nhà. Đây là một cơ hội lớn để các hộ gia đình ổn định cuộc sống và tích lũy tài sản, tạo ra sự công bằng xã hội khi các hộ dân được tiếp cận cơ hội sở hữu nhà ở, góp phần làm giảm bất bình đẳng về nhà ở. Đồng thời, số tiền thu được từ việc bán nhà sẽ tạo ra nguồn thu lớn cho ngân sách địa phương, giúp chính quyền thành phố tái đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng, giáo dục, y tế và các dịch vụ công cộng, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, chính sách này cũng có thể giúp giảm bớt chi phí duy trì tài sản công cho chính quyền.

- Các cơ chế, chính sách thí điểm phân cấp cho UBND Thành phố trong thực hiện các chính sách về thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng tại Nghị quyết dự kiến sẽ rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư (khoảng 5-6 tháng so với quy định hiện hành), góp phần làm tăng tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng,… qua đó tiết kiệm được chi phí thời gian thực hiện thủ tục của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, chính sách mới sẽ tăng thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát huy nguồn lực đất đai của Thành phố. Đồng thời, doanh nghiệp được hưởng lợi về kinh tế thông qua việc rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án.

**4.** **Đối với cơ chế, chính sách đặc thù về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**

- Chính sách ưu đãi về thuế đối với hoạt động khởi nghiệp sáng tạotrong giai đoạn ngắn hạn sẽ làm giảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, chính sách này sẽ tạo động lực cho các cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian khoa học và công nghệ đẩy mạnh đầu tư, phát triển cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên, tạo ra nhiều việc làm, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh... Do vậy, trong dài hạn sẽ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nâng cao năng lực tích lũy và năng lực cạnh tranh, qua đó thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo ra “hiệu ứng lan tỏa” khác cho nền kinh tế.Bên cạnh đó, chính sách này dự kiến sẽ thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố, là nguồn lực quan trọng để phát triển các giải pháp đổi mới sáng tạo trong tương lai.Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư cá nhân sẽ tạo điều kiện cho Thành phố xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có lợi thế cạnh tranh trong khu vực và quốc tế, đồng thời thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, tạo ra được nhiều sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng khoa học và công nghệ tốt chính, tác động tích cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thành phố.

- Việc ngân sách Thành phố hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chính sách về đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạodự kiến sẽ làm giảm nguồn chi từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Thành phố sẽ xây dựng được một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có nền tảng ổn định và lâu dài. Kinh nghiệm của các quốc gia có hệ sinh thái phát triển cho thấy hầu hết các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startups) đều xuất phát từ các nghiên cứu của trường đại học, và ở giai đoạn ươm tạo, nhà nước đóng vai trò là nhà đầu tư thiên thần cho các dự án ở giai đoạn sớm. Chính sách này dự kiến sẽ thúc đẩy hình thành các công nghệ lõi, các công nghệ chuyên sâu trong các lĩnh vực trở thành thế mạnh của Thành phố từ đó tạo lợi thế cạnh tranh cho hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Thí điểm cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo dự kiến sẽ giảm nguồn chi của ngân sách nhà nước do phải đầu tư, hỗ trợ cho lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; tuy nhiên, chính sách mới này sẽ giúp Hải Phòng thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn để trở thành trung tâm công nghiệp bán dẫn và AI của Việt Nam. Đồng thời, việc đầu tư mở rộng hạ tầng thông tin có thể giúp tăng số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp và công nghệ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển. Bên cạnh đó, với chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút nhân tài, Hải Phòng có thể cung cấp thêm nhiều kỹ sư, chuyên gia công nghệ cao trong lĩnh vực vi mạch và AI, đáp ứng nhu cầu nhân lực trong nước và khu vực. Việc thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến cũng có thể giúp tăng số lượng sáng chế, giải pháp công nghệ được đăng ký từ các cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp tại Hải Phòng.

- Cơ chế cho phép UBND Thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới sẽ mở rộng không gian đổi mới sáng tạo thực hiện nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới, hỗ trợ việc nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới nhằm thúc đẩy ứng dụng, phát triển các sản phẩm công nghệ mới, kịp thời cung cấp cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, người dân các sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần cho sự phát triển khoa học công nghệ và gián tiếp có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế.

- Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn Thành phố tạo động lực cho các cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố phát triển, đồng thời giảm thiểu các tác động khác có liên quan khi miễn thuế xác định đất dành cho mục đích khoa học và công nghệ, thực hiện đấu giá, đấu thầu đất để hoạt động.

- Cơ chế ưu đãi mới đối với dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao sẽ khuyến khích các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư vào các công nghệ hiện đại. Nhờ đó, các doanh nghiệp có thể tăng cường năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế giúp tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp, tạo động lực để tiếp tục mở rộng quy mô và ứng dụng các công nghệ mới. Chính sách cũng góp phần thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ các tập đoàn công nghệ lớn, tạo ra thêm nhiều cơ hội việc làm, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ra giá trị gia tăng cao thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thành phố bền vững.

- Việc thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận vốn để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh. Quỹ cũng thu hút đầu tư, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, kết nối doanh nghiệp với viện nghiên cứu, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, huy động nguồn lực tư nhân sẽ giảm gánh nặng ngân sách, giúp Hải Phòng phát triển bền vững theo hướng hiện đại. Quy định “cơ chế tái đầu tư” cho Quỹ nhằm mục đích bảo toàn, duy trì vòng quay vốn, tăng hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn khác; đồng thời, việc tái đầu tư vào các dự án có tiềm năng cao hơn dựa trên kết quả thương mại thành công sẽ góp phần hình thành hệ sinh thái đầu tư đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, phát triển nền kinh tế tri thức và khuyến khích thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ.

Bên cạnh đó, việc quy định miễn trừ trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quản lý vốn từ Quỹ đầu tư mạo hiểm là cần thiết, nhằm tạo hành lang pháp lý để khuyến khích cán bộ mạnh dạn đổi mới, đồng thời bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và tương tự chính sách quy định tại Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

**5. Cơ chế, chính sách đặc thù về chế độ cán bộ, công chức, viên chức**

Cơ chế, chính sách đặc thù về tiền lương, thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao quy định tại Nghị quyết số 226/2025/QH15 tương tự quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 35/2021/QH15 đã và đang thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Chính sách này sẽ tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, đáp ứng mức sinh hoạt, bảo đảm đời sống cán bộ, công chức, viên chức và gia đình người hưởng lương, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác; đồng thời thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao đến làm việc trên địa bàn Thành phố.

**6. Về Khu Thương mại tự do (TMTD) tại Thành phố Hải Phòng**

- Việc hình thành Khu TMTD sẽ tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư trong và ngoài nước nhờ vào các chính sách ưu đãi về thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính và hạ tầng cơ sở vật chất hiện đại, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và xuất khẩu. Đồng thời, sự ra đời của Khu TMTD sẽ tạo cơ hội việc làm cho người lao động trong các lĩnh vực sản xuất, logistics, và dịch vụ; từ đó, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân. Khu TMTD sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao, điện tử và sản xuất, không chỉ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và công nghệ mà còn làm gia tăng giá trị sản xuất, tạo cơ hội mở rộng thị trường quốc tế cho các doanh nghiệp địa phương, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là trong các ngành chế biến và công nghệ cao, từ đó góp phần vào tăng trưởng xuất khẩu của nền kinh tế quốc gia. Ngoài ra, việc thành lập khu TMTD giúp đổi mới phương thức quản lý, điều hành của nhà nước, đổi mới hành chính theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin: Với môi trường đầu tư quốc tế thì yêu cầu tất yếu đối với nhà quản lý, nhà đầu tư trong nước phải thay đổi phương thức quản lý, điều hành, quản trị doanh nghiệp để thích nghi, từ đó nâng cao năng lực và tiếp thu trình độ quản lý tiên tiến của thế giới.

- Các chính sách trong Khu TMTD được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá, phân tích các chính sách đang được áp dụng tại các Khu TMTD trong nước (TP. Đà Nẵng) và các Khu TMTD thành công trên thế giới như Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore…và có điều chỉnh phù hợp thực tế tại Thành phố nên mang tính độ mở cao như: (1) áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt đối với các dự án trong khu TMTD thuộc lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư; (2) cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; (3) được sử dụng ngoại tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; (4) nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện chuyển khẩu hàng hóa. Đồng thời, các cơ chế, chính sách trong khu TMTD được thiết lập theo hướng “*một khai báo, một kiểm tra và một phê duyệt*” nhằm thúc đẩy môi trường đầu tư, kinh doanh theo chuẩn mực quốc tế. Đây là mô hình mang tính đột phá nhưng vẫn đảm bảo tính tuần tự, từng bước thí điểm kèm theo việc kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế tối đa các rủi ro. Trong qua trình triển khai sẽ đánh giá, xem xét đề xuất mở rộng và làm tiền đề luật hóa các quy định về khu TMTD phạm vi cả nước.

Việc áp dụng các cơ chế chính sách ưu đãi đặc thù đối với Khu TMTD có thể ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, áp dụng chính sách đặc thù sẽ thúc đẩy thu hút đầu tư, đặc biệt là việc thu hút đầu tư các Tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong các lĩnh vực: thương mại; dịch vụ; công nghiệp phục vụ thương mại và dịch vụ,... tăng xuất nhập khẩu, tăng sản lượng hàng hoá vận chuyển qua cảng Hải Phòng, đóng góp vào quy mô và dịch chuyển cơ cấu kinh tế thành phố Hải Phòng. việc tạo môi trường thuận lợi cho hệ sinh thái sản xuất và dịch vụ trong khu TMTD như: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế, phí khác, thông quan nhanh, giảm chi phí, thời gian và thủ tục cũng như các chính sách đãi ngộ về hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ tài chính,… sẽ là nguồn động lực rất lớn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa mạnh dạn đầu tư, mở rộng thị trường để tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

**VI. Triển khai thi hành**

- Chính phủ trong phạm vi, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: (i) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với chính quyền địa phương ở thành phố Hải Phòng cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho thành phố Hải Phòng; (ii) Đối với những vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; (iii) Sơ kết việc thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù tại thành phố Hải Phòng và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2028; tổng kết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2030. Riêng đối với các cơ chế, chính sách cho Khu TMTD tại thành phố Hải Phòng thực hiện sơ kết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2030; tổng kết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2035; (iv) Ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thành phố.

- HĐND, UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: (i) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; (ii) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều này; (iii) HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật; (iv) Đối với những vấn đề có nội dung khác chưa được quy định trong luật và Nghị quyết của Quốc hội, để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, UBND Thành phố báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

- Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng và đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 226/2025/QH15.

- Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND Thành phố đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

- Nghị quyết số 226/2025/QH15có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2025 (thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/112021 của Quốc hội). Thời gian thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng quy định tại Chương II Nghị quyết số 226/2025/QH15là 05 năm. Riêng đối với các cơ chế, chính sách quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị quyết số 226/2025/QH15**,** thời gian thực hiện thí điểm là 10 năm./.

1. Hành lang kinh tế Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh kết nối với hành lang kinh tế ven biển Bắc Bộ Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhin đến năm 2045; Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Giai đoạn 2021-2024, bình quân tăng 11,11%/năm, gấp gần 1,84 lần tốc độ tăng trưởng chung cả nước [↑](#footnote-ref-3)
4. Các chính sách về: quản lý tài chính, ngân sách nhà nước, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố quản lý [↑](#footnote-ref-4)
5. (i) Về vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; (ii) Chính sách phí, lệ phí; (iii) Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về “*Hội nhập quốc tế trong tình hình mới*”; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. [↑](#footnote-ref-6)
7. Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Nghệ An [↑](#footnote-ref-7)
8. Kết luận số 93/KL-TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương; Kết luận số 97/KL-TW ngày 5/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về hội nghị lần thứ 10 khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2024-2025 “*tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu chi NSNN, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; khẩn trương thực hiện Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSĐP, các cơ quan, đơn vị có liên quan, nhất là cho đầu tư phát triển*”; Nghị quyết số 45-NQ/TW và Kết luận số 96-KL/TW của Bộ Chính trị. [↑](#footnote-ref-8)